

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 224/2024/DS-ST

Ngày: 17-8-2024

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thông.

2. Bà Trần Thị Kim Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Luông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Trần Anh Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xét xử Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Q tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2024, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST - DS ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C; Địa chỉ trụ sở: Số 169 phố L, phường H, Quận H1, thành phố H2.

Đại diện theo pháp luật: Ông Dương Q – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng tại phiên tòa: Ông Nguyễn Dương Q – Phó Giám đốc Ngân hàng C – chi nhánh Q. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1968;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Khánh H, sinh năm 1967;
Cùng địa chỉ: Khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 3 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng C – chi nhánh Q cho bà Trần Thị Mỹ H và ông Trần Khánh H1

vay vốn theo Mã món vay 6600000715843532 ngày 21/7/2019, số tiền vay gốc 50.000.000 đồng để giải quyết việc làm cho gia đình bà H, ông H1, mở tiệm cắt tóc phục vụ trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình; lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay trong 36 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng trả gốc 01 lần với số tiền 8.300.000 đồng, trả lãi hàng tháng; Món vay đã được gia hạn nhiều lần. Quá trình vay vốn, bà H, ông H1 đã trả được 2.800.000 đồng nợ gốc.

Số nợ gốc còn lại và lãi phát sinh bà H, ông H1 đã không trả đúng hạn. Kể từ khi phát sinh nợ quá hạn, mặc dù Ngân hàng đã tích cực dùng mọi biện pháp để thu hồi nợ như: đôn đốc và nhiều lần làm việc trực tiếp với người vay để thu hồi nợ nhưng đến nay bà H, ông H1 vẫn không trả, vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký kết làm ảnh hưởng đến hoạt động vay vốn tại Ngân hàng.

Nay Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Khánh H1 phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ gốc còn lại là 47.200.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 17/8/2024 là 11.133.699 đồng trong đó có lãi trong hạn là 9.369.557 đồng và lãi quá hạn là 1.764.142 đồng, yêu cầu bà H, ông H1 trả lãi suất tiếp theo theo hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

- Bị đơn bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Khánh H1 đã được tổng đạt, niêm yết các Thông báo của Tòa án nhưng không đến tham gia giải quyết nên không có lời trình bày trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đối với nguyên đơn là đúng pháp luật, đối với bị đơn là không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng C khởi kiện đối với Trần Thị Mỹ H, ông Trần Khánh H1; địa chỉ: Khố phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Q, lý do khởi kiện là bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không trả khoản nợ đã vay của nguyên đơn. Vì vậy việc khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q là đúng thẩm quyền và đúng quan hệ pháp luật tranh chấp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[1.2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa

bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Khánh H1 vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng tín dụng được ký kết giữa Ngân hàng C – chi nhánh Q và bà Trần Thị Mỹ H thấy rằng: ngày 21/7/2019 bà Trần Thị Mỹ H đại diện theo uỷ quyền của hộ gia đình bà H, ông H1 ký kết hợp đồng vay vốn tại Ngân hàng C theo mã món vay 6600000715843532 số tiền vay gốc 50.000.000 đồng để giải quyết việc làm cho gia đình bà H, ông H1, trang trải chi phí sinh hoạt trong gia đình; lãi suất 6,6%/năm, thời hạn vay trong 36 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc 06 tháng trả gốc 01 lần với số tiền 8.300.000 đồng, trả lãi hàng tháng.

Hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự nguyện, không ép buộc hoặc lừa dối, tại hợp đồng tín dụng có thể hiện rõ Ngân hàng C – chi nhánh Q cho bà H, ông H1 vay vốn với mục tiêu hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; Nội dung hợp đồng thể hiện rõ về lãi suất, thời hạn cho vay, thỏa thuận trả nợ gốc và lãi, do vậy hợp đồng có hiệu lực.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà H, ông H1 chỉ trả được 2.800.000 đồng nợ gốc, số nợ gốc còn lại và lãi phát sinh bà H, ông H1 đã không trả nợ đúng hạn; ngân hàng cũng tạo điều kiện cho gia hạn nợ nhiều lần nhưng bà H, ông H1 vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Khi khoản nợ chuyển sang nợ quá hạn, đại diện Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc trực tiếp đôn đốc thanh toán nhưng bà H, ông H1 vẫn không thanh toán là đã vi phạm hợp đồng giao kết giữa hai bên và vi phạm quy định tại Điều 401, 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xét thấy, việc Ngân hàng C khởi kiện buộc bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Khánh H1 phải trả số nợ còn lại cho ngân hàng là số tiền 58.333.699 đồng, bao gồm: nợ gốc còn lại là 47.200.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến hết ngày 17/8/2024 là 11.133.699 đồng là có căn cứ.

Và bị đơn có nghĩa vụ trả lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Khánh H1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 385, 401, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Khánh H1.

Buộc bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Khánh H1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc 47.200.000đồng (*Bốn mươi bảy triệu hai trăm ngàn đồng*) và tiền lãi tạm tính đến hết ngày 17/8/2024 là 11.133.699 (*Mười một triệu một trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm chín mươi chín*) đồng;

Tiền lãi tiếp tục tính kể từ ngày 18-8-2024 cho đến khi bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Khánh H1 trả xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại Mã món vay 6600000715843532 ngày 21/7/2019.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị Mỹ H, ông Trần Khánh H1 phải nộp số tiền 2.916.684đồng (*Hai triệu, chín trăm mười sáu ngàn sáu trăm tám mươi bốn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Q;
- VKSND Tp.T;
- Chi cục THADS Tp.T;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Huỳnh Lý